

Đề bài:

Cảm nghĩ của anh
(chị) khi học bài thơ

ĐỌC TIỂU THẠNH KÍ

của Nguyễn Du.

Bài làm 1

Độc Tiểu Thanh kí là bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du rút trong tập *Bắc hành tạp lục* được viết trong thời gian tác giả đi sứ sang Trung Quốc.

Tiểu Thanh là một người con gái tài sắc, nhưng phải làm lẽ mọn, bị hành hạ vì ghen tuông và đã chết khi còn trẻ. Tập thơ của Tiểu Thanh bị vợ cả đốt hết, chỉ còn lại một số bài gọi là “Phần dư”. Nguyễn Du đã đọc những bài thơ này, viếng nàng và khóc thương cho số phận của nàng.

Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* thể hiện tình thương cảm, xót xa trước số phận người phụ nữ tài hoa bị vùi dập và chết trong oan ức. Nguyễn Du cũng tự cảm nhận về thân phận bị thương của chính mình:

*“Tây hồ hoa uyển tảo thành khư
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư
Chi phần hữu thần tiên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kì oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”*

Dịch nghĩa:

*“Vườn hoa bên Hồ Tây đã thành bãi hoang rồi
Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ
Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết
Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.
Những mối hận kim cổ khó mà hỏi trời được
Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng
vì nét phong nhã
Không biết hơn ba trăm năm sau
Thiên hạ ai người khóc Tố Như?”*

Dịch thơ:

*“Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang
Thổn thức bên song mảnh giấy tàn
Son phấn có thần chôn vẫn hận
Văn chương không mệnh đốt còn vương
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi
Cái án phong lưu khách tự mang
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa*

Người đời ai khóc Tố Như chăng?”

(Vũ Tam Tập dịch)

Nhan sắc xưa chỉ còn là nấm mộ. Tài hoa xưa chỉ còn lại một “phần dư”. Nhưng cuộc đời ấy, những câu thơ ấy đã khiến Nguyễn Du xúc động.

Tác giả viết về địa danh Tây Hồ (ở Trung Quốc), nơi phồn hoa xưa kia, nhưng cảnh đẹp cũ không còn, tất cả đã là quá khứ lụi tàn. Tây Hồ là nơi khởi hứng. Cảm xúc của nhà thơ mang tâm trạng u hoài. Cái “dâu bể” của trời đất đã khiến cho Tây Hồ là nơi “hoa uyển” xưa kia, giờ trở nên hoang tàn (“thành khư”). Và giữa cái cảnh tượng gợi ra tâm trạng hoài cổ ấy, nhà thơ đã khóc Tiểu Thanh, viếng nàng qua một cuốn sách cũ để lại:

“Tây hồ hoa uyển tẫn thành khư

Độc điếu song tiền nhất chỉ thư”

(Vườn hoa Hồ Tây đã thành gò hoang rồi

Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ)

Trong hai câu thực, Nguyễn Du đã ca ngợi tài sắc của Tiểu Thanh:

“Chi phần hữu thần liên tử hậu

Văn chương vô mệnh lụy phần dư”

(Son phần có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết

Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở)

Nguyễn Du đánh giá rất cao Tiểu Thanh. Ông quá xúc động trước những số phận tài sắc bị vùi dập. Vẻ đẹp diệu kì, nét anh hoa đến mức “có thần” trở nên bất tử còn tiếp nối đến ngày sau (“liên tử hậu”). Và văn chương không có số mệnh nhưng vẫn còn làm liên lụy đến muôn đời. Tác giả suy nghĩ về sự ra đi của sắc đẹp, của tài hoa, làm cho người đời nuối tiếc. Giai nhân sẽ sống mãi với thời gian cũng như văn chương sẽ mang mãi vẻ đẹp vĩnh hằng.

Trong hai câu luận, tác giả nâng cảm xúc lên thành một vấn đề lớn có ý nghĩa sâu xa, vượt những giới hạn của không gian và thời gian:

“Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kì oan ngã tự cư”

(Mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được

Ta tự coi như người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng này)

Nỗi oan trái trong số phận Tiểu Thanh được nâng lên thành nỗi đau kim cổ. Với con mắt của Nguyễn Du, đó là một quy luật nghiệt ngã mà con người thật sự bất lực. Nhưng Nguyễn Du đã đồng cảm sâu sắc với những số phận tài hoa bạc mệnh như Tiểu Thanh.

“Tài mệnh tương đố” là quan niệm đã có từ xưa. Cái “sắc”, cái “tài” thường đi với tai ương, đó vừa là nghịch lí, vừa là hiện thực trớ trêu ở đời. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã từng viết:

*“Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi”*

Hay:

*“Có tài mà cậy chi tài
Chữ tài liền với chữ tai một vần”*

Ở đây, Nguyễn Du đã kí thác tâm sự của cuộc đời thi sĩ, nghĩ về người và cũng nghĩ về mình. Một nàng Tiểu Thanh có tài, có sắc vướng vào vòng oan nghiệt. Tiểu Thanh bị đày đoạ, chết khi còn trẻ và những sáng tác của nàng cũng cùng chung số phận, bị lưu lạc, đốt bỏ. Tố Như đã khóc cho nàng và cũng khóc cho mình:

“Phong vận kì oan ngã tự cư”

(Ta tự coi như người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng này)

“Phong vận kì oan” là nỗi oan lạ lùng của những người hào hoa phong nhã. Những nét đẹp lẽ ra được cuộc đời tôn vinh, nhưng rốt cuộc lại phải chịu hậu quả nghiệt ngã. Một nàng Tiểu Thanh phải lìa đời lúc còn xuân sắc, một thi nhân có tài văn chương mà không có mệnh thành đạt như Nguyễn Du thì khác gì nhau? Đó là bất công ở đời. Một gia đình phong kiến hà khắc không dung nạp nổi con người tài sắc như Tiểu Thanh. Xã hội phong kiến hẹp hòi không dung nạp nổi Nguyễn Du.

Khi xã hội quay lưng với trí thức, với tài hoa, đoạn tuyệt với lòng nhân ái..., thì cũng là lúc những người như Nguyễn Du tự than thân trách phận cho mình và cho người. Tiểu Thanh bị đày đoạ, bị ruồng bỏ cả về thân xác lẫn tâm hồn. Những trang thơ đa sầu và giàu mỹ cảm của nàng đã không được trân trọng. Cái đẹp trong văn chương cũng như cái đẹp ở đời đã không có đất sống. Cho nên Nguyễn Du khóc cho nàng, xót xa khi nghĩ đến hậu thế:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”*

(Không biết hơn ba trăm năm sau

Thiên hạ ai người khóc Tố Như?)

“Ba trăm năm” chắc chỉ là con số ước lệ, ý nói nhiều năm về sau. Nàng Tiểu Thanh phải mang nỗi “kì oan” và đã tìm thấy kẻ tri âm đồng cảm là Nguyễn Du. Còn Nguyễn Du, ba trăm năm nữa có ai nhỏ giọt nước mắt như thi nhân bây giờ khóc người “hồng nhan bạc mệnh” hay không? Tiếng thơ là tiếng lòng, đi tìm người tri âm nơi hậu thế. Nhưng sự cô đơn vô hạn vẫn là một cảm xúc bao trùm.

Những tâm hồn đồng cảm đồng điệu đã tìm gặp nhau. Giữa sự sụp đổ, băng hoại, lụi tàn, còn những giọt nước mắt đồng cảm. Thật đáng trân trọng biết bao!

Nguyễn Du từng mơ ước một xã hội biết trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp, những tài hoa. Nhưng sinh thời, cụ Nguyễn đã không tìm được, cũng không hình dung được một xã hội như vậy. Cho nên nỗi đau của Nguyễn Du thật là sâu xa và tuyệt vọng.

Nhưng chưa đầy ba trăm năm sau, những thế hệ khác bắt đầu có những cảm nhận mới mẻ và lạc quan hơn. Đó là con người của thời đại chúng ta.

Cảm ơn nhà thơ Tố Hữu đã nói hộ nỗi lòng của tất cả chúng ta, những con người của thời đại Hồ Chí Minh đã không những đồng cảm sâu sắc với Nguyễn Du mà còn tìm ra được lời giải đáp cho những bất công, oan trái mà nhà thơ đã luôn canh cánh trong lòng. Tố Hữu viết:

“Hỡi người xưa của ta nay

Khúc vui xin lại so dây cùng Người”.

(Kính gửi cụ Nguyễn Du)

(Bài do thầy giáo Nguyễn Xuân Hòa giới thiệu)

Bài làm 2

Tôi đã được đọc rất nhiều sáng tác của Nguyễn Du và thật sự xúc động trước tấm lòng nhân ái bao la mà ông dành cho những số phận những con người bất hạnh trong xã hội. Đặc biệt là người phụ nữ! Người phụ nữ xưa đi vào văn thơ của ông với một niềm trân trọng, đồng cảm, xót thương như Thúy Kiều trong *Truyện Kiều*, người mẹ nghèo trong *Những điều trông thấy*... đã làm rung động bao trái tim người đọc. *Độc Tiểu Thanh kí* cũng là một bài thơ như vậy.

Đây là một trong những bài thơ chữ Hán hay nhất của Nguyễn Du, ra đời trong thời gian nhà thơ được triều đình cử đi sứ sang Trung Quốc. Tiểu Thanh là một cô gái tài sắc, sống khoảng đầu đời Minh. Từ nhỏ cô đã là một cô bé thông minh, thông hiểu nhiều môn nghệ thuật. Số phận đầy drama, 16 tuổi cô phải làm lẽ một nhà quyền quý họ Phùng. Bị vợ cả ghen, bắt cô phải sống riêng trong một ngôi nhà trên núi Cô Sơn, cạnh Tây Hồ. Vì đau buồn nàng làm thơ ghi tâm trạng của mình, cô sinh bệnh, rồi chết ở tuổi mười tám. Thơ văn của Tiểu Thanh, bị vợ cả ghen đem đốt gần hết, may còn sót lại ít bài, được người đời chép lại đặt tên là “Phản dư” (Bị đốt còn sót lại), và thuật luôn câu chuyện bạc phận của nàng. Thương xót cho số phận tài hoa bạc mệnh của người phụ nữ, Nguyễn Du đã sáng tác bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* để khóc nàng, đồng thời tỏ bày nỗi bất hạnh, day dứt trước số phận bất hạnh của bao con người tài hoa khác trong xã hội, trong đó có cả bản thân ông – một cuộc đời gió bụi.

Bài thơ mở đầu bằng nỗi xót xa trước cảnh đời “dâu bể”:

“Hồ Tây cảnh đẹp hóa gò hoang”

Hồ Tây xưa là cảnh đẹp, nay thành “gò hoang”. Tâm trạng “hoài cổ” vẫn thường thấy trong thơ xưa. Nhưng ở đây, điều quan trọng là tác giả đang bắt đầu khóc cho một số phận trong quá khứ:

“Thôn thức bên song mảnh giấy tàn”

Nguyễn Du rung lệ trước những gì còn lại của một kiếp người. Tiểu Thanh tài sắc nhưng chỉ để lại cho đời “mảnh giấy tàn”. Sự ghen ghét đố kỵ của người vợ cả đã khiến nàng mất đi tuổi xuân, mất đi niềm vui, niềm hạnh phúc, và mất đi cả cái phận hồng nhan để lại cho đời. Ngẫm ra, đó cũng là sự đố kỵ của cả xã hội đương thời, cái xã hội luôn kìm hãm, đè bẹp con người, nhất là những người phụ nữ tài hoa. Nhà thơ đã bày tỏ nỗi xót xa cho duyên kiếp dở dang của nàng. Và cao hơn cả là nỗi đau nhân tình thế thái. Nguyễn Du đồng cảm với nỗi buồn đau của Tiểu Thanh, nên nhà thơ mới xúc động đến như vậy. Ông khóc thương cho nàng và dường như cũng khóc cho cả bản thân mình, kẻ từng bị đời xô dạt, đẩy đưa.

Ba trăm năm đã qua đi, nhà thơ còn có cảm giác như linh hồn người con gái xưa vẫn còn đâu đây. Mười tám tuổi đời – nàng chết trong đau khổ, oan ức. Vì oan khuất nên linh hồn nàng làm sao tiêu tan được?

“Son phấn có thần chôn vẫn hận

Văn chương vô mệnh đốt còn vương”

Bao nhiêu năm đã trôi qua nhưng với Nguyễn Du tất cả những gì gắn bó với nàng vẫn như còn đó. “Son phấn” là đồ trang điểm, làm đẹp của người phụ nữ, nhưng ở câu thơ này nó còn tượng trưng cho sắc đẹp, và sắc đẹp “có thần”, sống mãi với thời gian. Những mỹ nhân đời xưa nay vẫn còn tên tuổi như: Chiêu Quân, Tây Thi, Dương Quý Phi... Người có thể chết đi, có thể bị chôn vùi, nhưng tiếng tăm vẫn còn lại muôn đời. Tiểu Thanh chết rồi, và những gì còn lại vẫn làm cho người đời thương tiếc khôn nguôi. Nỗi hận “son phấn” không chỉ riêng gì của một bậc tài danh nào, đó cũng là nỗi hận của Tiểu Thanh, của tài sắc bị hãm hại, bị vùi dập.

Không chỉ nói đến cái đẹp, Nguyễn Du còn nói đến cái tài của Tiểu Thanh. “Văn chương” là cái tài, là tâm tư, đồng thời cũng là vẻ đẹp tinh thần của nàng. Nhà thơ dường như đã làm cho “son phấn”, “văn chương” có linh hồn, khiến cho chúng có thể thay nàng nói lên nỗi oan khuất. Và nhà thơ tự nhận mình là người đồng cảnh:

“Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi

Cái án phong lưu khách tự mang”

Tiếp tục niềm cảm thương vô hạn đối với người con gái bất hạnh kia, từ nỗi hận riêng cho số phận Tiểu Thanh, Nguyễn Du nâng lên thành nỗi hận muôn đời.

“Tài hoa bạc mệnh”, phải chăng đó là quy luật của tạo hóa, là định mệnh khắt khe của số phận?

Trong “Truyện Kiều” Nguyễn Du đã từng viết:

“Chữ tài liền với chữ tai một vần”

Với Nguyễn Du, “phong lưu” là cái “nỗi oan lạ lùng” đã ràng buộc mỗi con người, kẻ tài hoa phải đeo đẳng suốt đời. Nguyễn Du là một trong số đó. Ông đã tự nhận mình là kẻ đồng cảnh với Tiểu Thanh. Thật rõ là ông đã bênh vực nàng một cách công khai và mạnh mẽ.

Bài thơ là dòng suy ngẫm của Nguyễn Du về cảnh, về người, về đời. Càng ngẫm, nhà thơ càng thương tiếc Tiểu Thanh, và cũng lại càng thương cho bản thân mình. Từ thương người, ông chuyển sang thương thân:

“Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng?”

Nhà thơ nhận thấy sự đồng điệu giữa mình và Tiểu Thanh. Nàng mất đi, ba trăm năm sau có ông khóc thương cho nàng, nhưng liệu rồi cũng sau ba trăm năm nữa ai sẽ là người nhỏ lệ khóc thương cho ông? Nhà thơ xót xa cho thân phận, khóc cho sự cô đơn, không người tri kỉ, một mình ôm mối hận của kẻ tài hoa mệnh bạc giữa đời. Tâm trạng lúc này của nhà thơ, khiến cho ta nghĩ đến tâm trạng của Thúy Kiều sau bao sóng gió cuộc đời:

“Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh

Giật mình, mình lại thương mình xót xa”

(Truyện Kiều)

Bởi vì:

“Rằng: hồng nhan tự thuở xưa

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu”

(Truyện Kiều)

Bài thơ có tám câu, sáu câu đầu là thương người, hai câu cuối là thương thân. Nhưng hai câu cuối mới là cái thần của cả bài thơ, từ thương người, Nguyễn Du đã hòa làm một với người, để đồng cảm cho kiếp tài hoa mà đau thương trong muôn vắn số kiếp tài hoa mệnh bạc khác. Tấm lòng bao dung của nhà thơ mệnh mông quá! Nó không bị bó hẹp bởi thời gian và không gian. Nó vượt qua mọi giới hạn để đến với bao kiếp người, cất lên tiếng nói phản uất đối với những bất công trong xã hội đương thời.

Thương người, thương mình đó là cái gốc của chủ nghĩa nhân đạo. Nguyễn Du không chỉ thương cho người đang sống, mà thương cho cả người đã khuất mấy trăm năm.

Phải có trái tim đa cảm lắm nhà thơ mới nói được nỗi đau ấy.

Cùng với *Truyện Kiều*, *Độc Tiểu Thanh kí* đã góp thêm tiếng nói đồng cảm, xót thương cho những kiếp người tài hoa, bạc mệnh trong xã hội xưa. Đồng thời, bài thơ cũng là lời tri âm mà Nguyễn Du muốn gửi lại cho đời.

Chẳng cần đến ba trăm năm sau, trong thời đại Hồ Chí Minh, nhà thơ Nguyễn Du đã bắt gặp được một sự đồng cảm lớn lao, sâu sắc và chân thành:

“Đau đớn thay phận đàn bà!

Hỡi ơi, thân ấy biết là mấy thân”

(Kính gửi cụ Nguyễn Du – Tổ Hữu)

Độc Tiểu Thanh kí mãi mãi là một đỉnh cao của chủ nghĩa nhân đạo thời kì phong kiến, xứng đáng được lưu truyền cho bao thế hệ.

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm)